

BỒI THƯỜNG CHIẾN TRANH TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ ĐƯƠNG ĐẠI VÀ VIỆC GIẢI QUYẾT HẬU QUẢ CHIẾN TRANH TẠI VIỆT NAM

*Nguyễn Hồng Quang**

Tóm tắt

Cho đến đầu Thế kỷ 20, chiến tranh là một trong những biện pháp để giải quyết xung đột giữa các quốc gia. Vấn đề bồi thường chiến tranh do đó, được coi là đương nhiên sau khi chiến tranh kết thúc: nước chiến thắng có quyền áp đặt bồi thường chiến tranh đối với các nước thua trận nhằm bù đắp lại chi phí chiến tranh và để trừng phạt hành vi của nước thua trận cũng như hạn chế khả năng nước thua trận tiếp tục gây chiến tranh hoặc tái định hình quan hệ giữa các bên giai đoạn hậu chiến. Nghĩa vụ pháp lý quốc tế liên quan đến bồi thường chiến tranh thường được nêu rõ trong các hiệp định hòa bình giữa bên thắng trận và thua trận, trong đó nêu rõ chi phí bồi thường chiến tranh, hình thức thực hiện... Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu thực tiễn bồi thường chiến tranh trong quan hệ quốc tế đương đại để từ đó đưa ra một số gợi ý cho quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ trong xử lý vấn đề này là rất cần thiết và là nội dung cốt lõi của bài viết này.

Từ khóa: Chiến tranh, bồi thường chiến tranh, chiến tranh Việt Nam, quan hệ Việt - Mỹ

Cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Mỹ đã kết thúc trên 30 năm, song việc khắc phục hậu quả cuộc chiến này vẫn còn rất nhiều khó khăn

*NCS, Học viện Ngoại giao

và vấn đề này tiếp tục là một nội dung quan trọng của quan hệ Việt - Mỹ. Trong chuyến thăm Mỹ tháng 5/2017, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và Tổng thống Donald Trump khẳng định “tiếp tục hợp tác giải quyết các vấn đề do chiến tranh để lại, trong đó có rà phá bom mìn, tẩy độc dioxin; ghi nhận những tiến triển trong hợp tác tẩy độc tại sân bay Đà Nẵng, cũng như sẽ thảo luận về các bước phối hợp tiếp theo về tẩy độc tại sân bay Biên Hòa”.¹ Trước đó, trong chuyến thăm Việt Nam tháng 5/2016 của Tổng thống Barack Obama, lần đầu tiên Mỹ đồng ý đưa vào Tuyên bố chung nội dung coi khắc phục hậu quả chiến tranh là một trong những ưu tiên trong quan hệ quốc phòng giữa hai nước. Hai bên cũng khẳng định hợp tác phát triển,² tiếp tục là một động lực của quan hệ hai nước thời gian tới. Đây có thể coi là một bước tiến mới trong thái độ của Mỹ liên quan đến giải quyết hậu quả chiến tranh tại Việt Nam, một chủ đề còn khá nhạy cảm đối với nội bộ Mỹ, tạo điều kiện cho việc huy động nhiều hơn nguồn lực của chính phủ Mỹ cho các nỗ lực trợ giúp Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh và “phát triển”.

Vấn đề Mỹ trợ giúp Việt Nam tái thiết sau chiến tranh đã được nêu trong các cuộc đàm phán giữa hai bên tại Paris và được đề cập tại Điều 21: *Hiệp định Paris về kết thúc chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam* (1973) và bức thư của Tổng thống Nixon gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng (ngày 1/2/1973). Trong những cuộc tiếp xúc bình thường hóa quan hệ giai đoạn 1977-1978, Việt Nam coi việc thực hiện cam kết trên là một ưu tiên, song phía Mỹ không đáp ứng. Trong các cuộc đàm phán bình thường hóa quan hệ đầu thập niên 1990, tuy Việt Nam không coi vấn đề bồi thường là một ưu tiên song tiếp tục yêu cầu Mỹ đóng góp vào quá trình giải quyết hậu quả chiến tranh. Kể từ cuối thập niên 1980 đến nay,

¹ Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ 2017, truy cập tại: <http://vtv.vn/trong-nuoc/tuyen-bo-chung-ve-tang-cuong-doi-tac-toan-dien-giua-viet-nam-va-hoa-ky-20170601113129913.htm>

² Theo quan niệm của phía Mỹ, hợp tác phát triển liên quan chủ yếu đến trợ giúp phát triển của Mỹ.

hai bên đã từng bước mở rộng hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh, đặc biệt là những nỗ lực của phía Việt Nam trong việc đáp ứng yêu cầu của Mỹ vấn đề POW/MIA đã được phía Mỹ nhiều lần ghi nhận. Tuy nhiên, do hậu quả cuộc chiến này đối với người dân và môi trường Việt Nam rất nặng nề nên sự đáp ứng của phía Mỹ, dù đã tăng lên trong vài năm qua, vẫn còn nhỏ bé so với nhu cầu thực tế của Việt Nam và việc này ít nhiều tác động đến những tiến triển của quan hệ Việt - Mỹ vốn được coi là còn rất nhiều tiềm năng.

Trong bối cảnh trên, việc nghiên cứu thực tiễn bồi thường chiến tranh trong quan hệ quốc tế đương đại để từ đó đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam và Mỹ trong việc tăng cường hợp tác giải quyết hậu quả chiến tranh này là rất cần thiết, qua đó góp phần thúc đẩy hơn nữa quan hệ Đối tác toàn diện Việt - Mỹ.

Thực tiễn quốc tế về bồi thường chiến tranh

Cho đến đầu Thế kỷ 20, chiến tranh được cộng đồng quốc tế coi là một trong những biện pháp để giải quyết xung đột giữa các quốc gia. Vấn đề bồi thường chiến tranh,³ do đó, được coi là đương nhiên sau khi chiến tranh kết thúc: nước chiến thắng có quyền áp đặt bồi thường chiến tranh đối với các nước thua trận nhằm bù đắp lại chi phí chiến tranh và đề trừng phạt hành vi của nước thua trận (hạn chế việc nước thua trận tiếp tục gây chiến tranh). Nghĩa vụ pháp lý quốc tế liên quan đến bồi thường chiến tranh thường được nêu rõ trong các hiệp định hòa bình giữa

³ Các học giả và các luật gia châu Âu thế kỷ 17 đã có đóng góp quan trọng đối với việc phát triển khái niệm bồi thường chiến tranh: Alberico Gentili lý giải nghĩa vụ trang trải bồi thường chiến tranh dựa trên sự vượt trội về quân sự của quốc gia chiến thắng; Samuel Pufendorf cho rằng việc sử dụng chiến tranh thay vì dựa vào cơ chế giải quyết hòa bình đồng nghĩa với việc quốc gia đó đồng ý với lựa chọn này và khi chiến tranh kết thúc, bên thua phải chấp nhận bản phán quyết và trật tự sau chiến tranh do bên thắng cuộc áp đặt; Hugo Grotius cho rằng việc bồi thường chiến tranh là cần thiết để đảm bảo an ninh đối với cả bên thắng cuộc và bên thua.

bên thắng trận và thua trận, trong đó nêu rõ chi phí bồi thường chiến tranh, hình thức thực hiện...

Theo các tài liệu lịch sử, Hiệp ước giữa Rome và Carthage năm 241 trước Công nguyên, kết thúc cuộc chiến Punic lần thứ nhất (264 - 241 trước Công nguyên) được coi là hiệp ước quốc tế đầu tiên về bồi thường chiến tranh. Hiệp ước này có các điều khoản về chuyển nhượng lãnh thổ, chuyển giao tiền bồi thường và tiền chuộc tù nhân mà Carthage phải trả cho Rome nhằm đổi lấy hòa bình. Các hiệp ước hòa bình sau này giữa các quốc gia châu Âu thường bao gồm những điều khoản tương tự như trên về bồi thường chiến tranh.

Cuộc Đại cách mạng Pháp (1789) đã đánh dấu sự thay đổi quan trọng về bồi thường chiến tranh theo hướng tăng cường tính trừng phạt đối với bên thua trận. Hoàng đế Napoleon đã đưa ra những điều khoản hết sức khắc nghiệt liên quan đến các khoản tiền đền bù và chiếm đóng lãnh thổ. Trong Hiệp ước Tolentino (1797) ký với Giáo hoàng Pius, Pháp đã yêu cầu số tiền bồi thường là 36 triệu francs, một số tác phẩm nghệ thuật và sáp nhập các lãnh thổ Avignon, Bologna, Ferrara, Romagna. Tuy nhiên, khi Pháp thất bại và phải ký Hiệp ước Paris 1815, nước này đã bị các cường quốc thắng trận áp đặt các điều khoản bồi thường hết sức khắc nghiệt: 700 triệu francs, chấp nhận để cho 150 nghìn quân chiếm đóng để bảo đảm an ninh cho các nước láng giềng. Vấn đề bồi thường chiến tranh đã được quy định và thực hiện tương đối nghiêm ngặt trong thế kỷ 19 ở châu Âu.⁴

Tại Hội nghị hòa bình Versailles (1919) được tổ chức sau Thế chiến lần thứ nhất, các nước thắng trận đã thống nhất những quy định hết sức ngặt nghèo đối với Đức liên quan đến việc định lại biên giới - lãnh thổ, phân chia thuộc địa của Đức, và bồi thường tài chính “vì đã gây ra thiệt

⁴ Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

hại và mất mát đối với chính phủ các nước Đồng minh và công dân của họ trong chiến tranh do sự hiếu chiến của Đức và các nước đồng minh".⁵ Về bồi thường tài chính, các nước quyết định Đức phải bồi thường 132 tỷ mác vàng, 52% được trả cho Pháp, 22% cho Anh, 10% cho Italy, 8% cho Bỉ, 0,75% cho Nhật Bản và Bồ Đào Nha, và 6,5% cho các bên liên quan còn lại. Hội nghị cũng thống nhất đưa ra những điều khoản trừng phạt khắc nghiệt nếu Đức không thực hiện nghĩa vụ bồi thường. Năm 1923, Pháp và Bỉ đã viện dẫn điều khoản trừng phạt nói trên để chiếm đóng vùng Ruhr của Đức với lý do Đức không thực hiện nghĩa vụ bồi thường; Đức đã lệnh cho người dân phản kháng thụ động đối với việc chiếm đóng nói trên.⁶ Trước những khó khăn của kinh tế Đức, các nước liên quan, dưới sự trung gian của Anh, đã gặp nhau tại Luân Đôn năm 1924 và đạt được Kế hoạch Dawes với nội dung sửa đổi quy trình bồi thường phù hợp với khả năng chi trả của Đức; đề xuất một khoản vay để tạo điều kiện cho Đức trả nợ. Năm 1929, Kế hoạch Dawes được thay thế bằng Kế hoạch Young với nội dung thành lập một ngân hàng quốc tế để thúc đẩy việc bồi thường của Đức với quy định Đức phải trả 37 tỷ Mács vàng trong vòng 59 năm. Sau Đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933, Đức bị kiệt quệ về kinh tế và yêu cầu đàm phán lại về vấn đề bồi thường. Tại Hội nghị Lausanne năm 1932, các nước quyết định Đức phải trả 3 tỷ bảng và các khoản vay theo Kế hoạch Dawes và Young.

Thế chiến II nổ ra, việc bồi thường của Đức bị dừng lại hoàn toàn. Năm 1953, 33 nước liên quan đã đạt được Thỏa thuận Luân Đôn về giải quyết vấn đề nợ của Đức, theo đó, Đức (Công hòa Liên bang Đức) thừa kế khoản nợ 7,5 tỷ bảng. Đến năm 1980, Đức đã cơ bản thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường. Về tổng số tiền, các bên liên quan đã có những

⁵ Treaty of Versailles, truy cập tại <http://www.history.com/topics/world-war-i/treaty-of-versailles>.

⁶ Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)

đánh giá khác nhau: Mỹ cho rằng con số đó khoảng 21,5 tỷ mác, Đức cho rằng nước này đã trả 68 tỷ mác; một số nhà kinh tế, trong đó có John Maynard Keynes, người đã tham gia Hội nghị Versailles, cho rằng tổng số tiền Đức đã trả vào khoảng 40 tỷ mác.⁷

Năm 1928 đánh dấu sự mở đầu một giai đoạn mới trong quan hệ quốc tế liên quan đến vấn đề chiến tranh và bồi thường chiến tranh. Tháng 8/1928, 15 nước gồm Mỹ, Anh, Ai-len, Canada, Ôxtrâyliya, Niu Dilân, Nam Phi, Ấn Độ, Bỉ, Ba Lan, Séc, Đức, Italy và Nhật Bản đã gặp nhau tại Paris và đạt được Hiệp ước Kellogg - Briand⁸ với nội dung chính là khẳng định cam kết của các nước không sử dụng chiến tranh trong giải quyết xung đột quốc tế. Hiệp ước này sau đó được 47 nước khác tham gia và có hiệu lực vào năm 1929. Thượng viện Mỹ đã phê chuẩn Hiệp ước này, song bảo lưu quyền tự vệ và quyền được sử dụng vũ lực để chống lại các quốc gia khác có hành vi vi phạm Hiệp ước.

Năm 1945, tại San Francisco, Mỹ và 50 quốc gia đã ký Hiến chương Liên Hợp Quốc để thành lập Liên Hợp Quốc, tổ chức quốc tế lớn và có tính bao trùm nhất cho đến hiện nay. Hiến chương Liên Hợp Quốc có nhiều điều khoản chống lại việc sử dụng chiến tranh trong giải quyết tranh chấp giữa các nước thành viên. Điều 2 Hiến chương Liên Hợp Quốc nêu rõ: “Tất cả các thành viên không được đe dọa sử dụng hay sử dụng vũ lực đe dọa toàn vẹn lãnh thổ hay sự độc lập về chính trị của bất cứ quốc gia nào, hay trong bất cứ vấn đề nào không phù hợp với mục đích của Liên Hợp Quốc”.⁹

⁷ Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

⁸ Tên của Hiệp ước này được lấy theo tên họ hai ngoại trưởng Anh và Mỹ - những nước đồng chủ trì Hội nghị

⁹ Charter of the United Nation, <http://www.un.org/en/sections/un-charter/chapter-i/index.html>

Ngay khi Thế chiến II chưa kết thúc, các nước Mỹ, Liên Xô, Anh đã gặp nhau nhiều lần, đặc biệt đặc biệt là Hội nghị Postdam (tháng 8/1945) để bàn về vấn đề này. Các nước tham gia Hội nghị dường như đã rút ra bài học về sự hà khắc của Hiệp ước Versailles, do vậy cơ bản nhất trí rằng các nước bại trận sẽ chỉ phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường sau khi đã đáp ứng nhu cầu cơ bản của nhân dân nước họ.

Đối với Đức, tại Hội nghị Postdam, một số ý kiến cho rằng Đức cần phải bồi thường cho các nước Đồng minh 320 tỷ USD. Song ý kiến khác cho rằng kinh tế Đức bị tàn phá sau chiến tranh và Đức vẫn còn nợ tiền bồi thường từ Thế chiến I nên hầu như không thể thực hiện được đòi hỏi trên; một số ý kiến khác cho rằng việc bồi thường cần dành đủ nguồn lực cho Đức nhằm tạo điều kiện cho người dân Đức tồn tại.¹⁰ Do đó, Hội nghị đã đưa ra những nội dung rất lỏng và mơ hồ về nghĩa vụ bồi thường chiến tranh của Đức. Trên thực tế, không lâu sau Chiến tranh, Liên Xô đã từ bỏ tuyên bố đòi hỏi tài sản của Đức ở Bungari, Phần Lan, Hungary và Rumani, song thực hiện kiểm soát các cơ sở sản xuất của Đức tại các khu vực thuộc ảnh hưởng của Liên Xô ở Đông Âu. Trong khoảng 10 năm sau chiến tranh, các nước đồng minh phương Tây của Đức đã từng bước nới lỏng việc giám sát hoạt động sản xuất của Tây Đức nhằm tạo điều kiện cho Tây Đức tăng cường khả năng “chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Liên Xô ở Đông Đức”.¹¹

Với một nước khác trong phe Trục là Italy, việc bồi thường cũng được thực hiện rất hạn chế. Hiệp ước hòa bình với Italy (1947) yêu cầu Italy bồi thường cho Liên Xô và các quốc gia khác với số lượng về loại hàng hóa và dịch vụ được lựa chọn theo thời gian sao cho việc này

¹⁰ Alexandra Gibbs, Who still owes what for the two World Wars? <http://www.cnn.com/2015/03/18/who-still-owes-what-for-the-two-world-wars.html>

¹¹ Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)

không ảnh hưởng đến quá trình phục hồi kinh tế của Italy. Cụ thể, Hiệp ước yêu cầu Italy bồi thường 125 triệu USD cho Nam Tư, 105 triệu USD cho Hy Lạp, 100 triệu USD cho Liên Xô, 25 triệu USD cho Ethiopia và 5 triệu USD cho Anbani.

Với Nhật Bản, vấn đề bồi thường chiến tranh diễn ra phức tạp hơn. Sau chiến tranh, các nước Đồng minh, trong đó có Mỹ ước tính Nhật Bản bị thiệt hại 42% tài sản quốc gia do chiến tranh; cho rằng Nhật Bản hầu như không có khả năng thực hiện việc bồi thường chiến tranh. Việc Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki với hậu quả hết sức nặng nề cũng tạo áp lực đối với Mỹ trong việc yêu cầu Nhật Bản bồi thường Chiến tranh. Hơn nữa, nhu cầu tranh thủ Nhật Bản để “ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản ở châu Á trở nên cấp thiết, nhất là sau khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949). Những tính toán trên đã được thể hiện rõ trong Hiệp định hòa bình với Nhật Bản (1951) ký tại San Francisco giữa Mỹ, Nhật Bản và 40 nước liên quan, ghi nhận nghĩa vụ bồi thường của Nhật Bản đã cho rằng “nguồn lực của Nhật Bản vào thời điểm hiện tại là không đủ để duy trì một nền kinh tế”, song Nhật Bản sẽ thực hiện đền bù cho tù nhân chiến tranh thông qua Hội Chữ thập đỏ quốc tế với số tiền 6,7 triệu USD.¹² Với Mỹ, Nhật Bản đồng ý bồi thường cho việc giam giữ tù binh Mỹ với số tiền cho mỗi tù binh từ 1 đến 2,5 USD/ngày (mỗi tù binh nhận được từ 600 đến 1000 USD).¹³ Đáng chú ý, đối với vấn đề tù binh Nhật Bản, năm 1988, theo Đạo luật Tự do Dân sự, Tổng thống Ronald Reagan đã bồi thường 20 nghìn USD cho mỗi tù binh Nhật Bản còn sống sót từ Thế chiến II. Một số học giả cho rằng Mỹ là nước duy nhất thắng trận nhưng lại bồi thường cho nước thua trận là Nhật Bản.¹⁴

¹² Alexandra Gibbs, Who still owes what for the two World Wars? <http://www.cnn.com/2015/03/18/who-still-owes-what-for-the-two-world-wars.html>.

¹³ Eamonn Fingleton, The untold story of Japan's war compensation record, <http://www.fingleton.net/the-untold-story-of-japans-war-compensation-record/>

¹⁴ Alexandra Gibbs, Who still owes what for the two World Wars?

Trung Quốc cho rằng khoản bồi thường trên của Nhật Bản là quá nhỏ so với thiệt hại mà quân đội Nhật Bản gây ra với Trung Quốc từ trước và trong chiến tranh. Trung Quốc cũng không phải là bên ký kết Hiệp ước San Francisco, do vậy vẫn giữ quyền yêu cầu Nhật Bản bồi thường. Khi Nhật Bản và Trung Quốc tiếp xúc về việc bình thường hóa quan hệ đầu những năm 1970, một trong những động thái đầu tiên của Nhật Bản là yêu cầu Thủ tướng Chu Ân Lai từ bỏ đòi hỏi bồi thường chiến tranh và phía Trung Quốc gần như không đề cập trực tiếp vấn đề này. Lập trường trên được lãnh đạo Đảng Tiểu Bình chấp thuận với điều kiện Nhật Bản cam kết ưu tiên Trung Quốc trong viện trợ nước ngoài.¹⁵ Trên thực tế, viện trợ ODA của Nhật Bản dành cho Trung Quốc từ 1979 đến 2016 lên đến 3,65 nghìn tỷ Yên,¹⁶ tương đương với 37 tỷ USD, một khoản tiền rất lớn nếu so với mức 1 tỷ USD mà một số tổ chức tại Trung Quốc đã yêu cầu Nhật Bản bồi thường trước đây.

Trong Chiến tranh Lạnh, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đã thông qua một số nghị quyết về bồi thường giữa các quốc gia. Nổi bật là Nghị quyết 262 yêu cầu Libăng phải nhận được bồi thường đối với việc sân bay Beirut bị Ixaren tàn phá năm 1968; Nghị quyết 387 yêu cầu Nam Phi bồi thường của Ăngola đối với Nam Phi năm 1975; Nghị quyết 598 kêu gọi Tổng thư ký Liên Hợp Quốc điều tra trách nhiệm của Iran và Iraq liên quan đến chiến tranh giữa hai nước (1980-1988). Trong chiến tranh Iraq và Côoét (1990-1991), Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đã ra một số nghị quyết có điều khoản yêu cầu Iraq bồi thường cho Côoét là 674 (1990), 686, 687, 692 (1991) với tổng số tiền bồi thường là 34 tỷ USD, được coi là lớn nhất kể từ sau Thế chiến II. Việc bồi thường được thực hiện thông qua kiểm soát nguồn thu nhập từ dầu lửa của Iraq, theo đó

<http://www.cnn.com/2015/03/18/who-still-owes-what-for-the-two-world-wars.html>.

¹⁵ Eamonn Fingleton, The untold story of Japan's war compensation record, <http://www.fingleton.net/the-untold-story-of-japans-war-compensation-record/>.

¹⁶ Overview of Official Development Assistance (ODA) to China, http://www.mofa.go.jp/policy/oda/region/e_asia/china/.

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)

Irắc phải trích ra 30% thu nhập từ xuất khẩu dầu cho việc chi trả bồi thường và tỷ lệ này giảm dần, còn 5% vào năm 2003. Đáng tiếc là sau cuộc chiến nói trên, quan điểm của 5 nước Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an có sự khác nhau đối với các cuộc chiến tranh sau này. Sự khác biệt đó khiến cho Hội đồng Bảo an không còn giữ được vai trò trung tâm trong việc giải quyết bồi thường các cuộc chiến Nam Tư (1999), Chiến tranh Irắc (2003), Grudia (2008).

Như vậy, kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ 2, Liên Hợp Quốc, với vai trò trung tâm của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, có vai trò chủ đạo thúc đẩy vấn đề chiến tranh và bồi thường chiến tranh trong quan hệ quốc tế. Để có cơ sở pháp lý cho việc này, Liên Hợp Quốc đã thông qua một số công ước quốc tế như Công ước về trách nhiệm của các quốc gia đối với hành vi trái với Luật pháp Quốc tế năm 2001, Công ước La Hay về Luật và Tập quán Chiến tranh trên bộ; Nghị định thư bổ sung thứ nhất Công ước Geneve (1977).¹⁷

Trên thực tế, sự ra đời của Liên Hợp Quốc và các công ước quốc tế phản đối việc sử dụng chiến tranh trong quan hệ quốc tế đã tạo ra “những cản trở cả về chính trị và thực tế” đối với việc đòi hỏi bồi thường chiến tranh của bên chiến thắng. Chiến tranh giữa các quốc gia không còn được coi là một biện pháp giải quyết mâu thuẫn như thời kỳ trước, do vậy, các thoả thuận kết thúc chiến tranh thường không có quy định rõ ràng về bồi thường. Trên thực tế, nhiều nước đã lựa chọn hình thức từ bỏ đòi hỏi bồi thường hoặc chấp nhận hình thức trợ giúp khác.¹⁸ Trong các cuộc chiến tranh giữa giữa Ixaren và các nước Ảrập, Pháp và Các tiểu vương quốc Ảrập (1958), vấn đề bồi thường chiến tranh đã không được

¹⁷ Tên tiếng Anh của các Hiệp ước là: International Law Commission Draft Articles on Responsibility of States for Internationally Wrongful Acts; Hague Convention concerning the Laws and Customs of War on Land; Geneva Conventions Additional Protocol I.

¹⁸ Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

đặt ra. Sau chiến tranh Falkland giữa Anh và Argentina (1982), Chính phủ Anh đã điều trần trước Quốc hội rằng Anh đã bị thiệt hại bởi các hành động hiếu chiến của Argentina và do vậy “có quyền yêu cầu bồi thường”, song do “có quá nhiều cản trở về chính trị và thực tế” nên Anh đã không nêu vấn đề này.¹⁹

Vấn đề bồi thường Chiến tranh Việt Nam

Cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành tại Việt Nam đã gây ra hậu quả vô cùng nặng nề, kéo dài nhiều năm đối với Việt Nam. Chiến tranh đã cướp đi sinh mạng của hàng triệu người, tàn phá nghiêm trọng nhiều thành phố, làng mạc tại Việt Nam, để lại hàng triệu tấn bom mìn, 12 điểm nóng da cam/dioxin; khoảng 3 triệu nạn nhân chất da cam/dioxin trên khắp Việt Nam. Trong khi Mỹ có hơn 1.000 trường hợp mất tích trong chiến tranh thì con số này của Việt Nam là trên 200 nghìn người.

Tại các cuộc đàm phán tại Paris về kết thúc chiến tranh, Việt Nam đã yêu cầu Mỹ bồi thường những thiệt hại do Mỹ gây ra. Phía Mỹ không đồng ý dùng từ “bồi thường” vì điều đó đồng nghĩa với việc công khai thừa nhận là quốc gia thua trận, song tỏ ý sẵn sàng cung cấp viện trợ và đóng góp vào quá trình tái thiết tại các khu vực bị chiến tranh tàn phá. Kết quả là Hiệp định Paris không nêu từ “bồi thường”. Song Điều 21 ghi rõ: “Hoa Kỳ mong rằng Hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hòa giải với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như với tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Theo chính sách truyền thống của mình, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến-tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và toàn Đông Dương.”²⁰ Một số nhà phân tích cho rằng lợi ích thực tế của việc nhận được viện trợ

¹⁹ Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

²⁰ Hiệp định hòa bình Paris, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Hiep-dinh-Cham-dut-chien-tranh-lap-lai-hoa-binh-cua-Viet-Nam-Hoa-ky-23327.aspx>

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)

kinh tế sau chiến tranh, dù tên gọi khác nhau, có thể đã khiến Việt Nam đồng ý ký Hiệp định Hòa bình Paris, kết thúc chiến tranh.²¹

Trong bức thư gửi Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng ngày 01/02/1973, Tổng thống Mỹ Richard Nixon nêu rõ: “Chính phủ²² Mỹ sẽ đóng góp vào quá trình tái thiết tại miền Bắc Việt Nam mà không có bất cứ điều kiện chính trị nào; nghiên cứu sơ bộ của Mỹ cho thấy các chương trình phù hợp mà Mỹ đóng góp vào quá trình tái thiết tại Việt Nam nằm trong khoảng 3,25 tỷ USD trợ cấp trực tiếp trong vòng 5 năm; đối với các hình thức trợ giúp khác, nghiên cứu của Mỹ cho thấy các chương trình phù hợp (mà Mỹ đóng góp) nằm trong khoảng 1,5 tỷ USD, tùy thuộc vào nhu cầu lương thực và các mặt hàng khác mà Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có nhu cầu”. Tổng thống Nixon cũng đề xuất thành lập một “Ủy ban Kinh tế hỗn hợp Mỹ - Việt trong vòng 30 ngày và Ủy ban này sẽ cố gắng hoàn thành một hiệp định về tái thiết cho Việt Nam trong vòng 60 ngày”. Phía Mỹ đã cử một đoàn chuyên gia USAID vào Việt Nam với mục đích tư vấn cho Việt Nam cách thức nhận khoản viện trợ nói trên, trong đó USAID đã khuyên Việt Nam chia nhỏ nhà máy thép công suất lớn thành nhiều nhà máy công suất nhỏ để tránh bị Quốc hội Mỹ gạt bỏ nếu cho rằng Việt Nam sản xuất nhiều thép để tiếp tục chiến tranh; đưa ra yêu cầu tiền bồi thường phải được dùng để mua hàng của Mỹ và vận chuyển bằng tàu Mỹ, chứ không được trả bằng tiền mặt.²³ Tuy nhiên, đoàn USAID rời Việt Nam và không trở lại cho đến khi Chiến tranh Lạnh gần kết thúc.

Trong các cuộc đàm phán bình thường hóa quan hệ giai đoạn 1977-78, Việt Nam tiếp tục nêu khoản bồi thường chiến tranh 3,25 tỷ USD

²¹Pietro Sullo, Julian Wyatt, War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)

²² Government, bao gồm Chính quyền, Quốc hội và Toà án của Mỹ.

²³ Trúc Quỳnh, “Tại sao Mỹ không bồi thường chiến tranh Việt Nam”, truy cập tại <http://www.tienphong.vn/the-gioi/tai-sao-my-khong-boi-thuong-chien-tranh-viet-nam-883031.tpo>

nhưng Mỹ từ chối đáp ứng với lý do Việt Nam không thực hiện các cam kết tại Hiệp định Paris, cụ thể là đã đưa quân vào giải phóng Miền Nam. Mỹ nêu mạnh vấn đề người Mỹ mất tích, cho rằng Việt Nam “vẫn giam giữ tù nhân Mỹ”. Đàm phán giữa hai bên rơi vào bế tắc và dừng lại vào năm 1978, ngay trước khi Mỹ và Trung Quốc tuyên bố bình thường hóa quan hệ (1/1/1979).

Từ 1979 đến đầu những năm 1990, quan hệ Việt Nam - Mỹ tiếp tục căng thẳng, đối đầu. Việt Nam coi Mỹ là kẻ thù số một, trong khi Mỹ thi hành chính sách bao vây, cấm vận, cô lập Việt Nam. Một số tiếp xúc giữa hai bên trong giai đoạn này chủ yếu để thảo luận về vấn đề tù nhân chiến tranh và người Mỹ mất tích (POW/MIA). Đáng chú ý, trong khi hai nước còn chưa bình thường hóa quan hệ thì USAID đã trở lại Việt Nam vào năm 1989 để triển khai một số dự án hỗ trợ người khuyết tật tại Việt Nam trong khuôn khổ Quỹ nạn nhân chiến tranh mang tên Thượng nghị sĩ Mỹ Leahy.

Sau khi Việt Nam tích cực đáp ứng một số yêu cầu của Mỹ trong vấn đề POW/MIA cuối những năm 1980, đầu 1990 và trước những chuyển động to lớn tại khu vực và thế giới sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ đã tiến tới bình thường hóa quan hệ với Việt Nam vào năm 1995. Cùng với những tiến triển nhiều mặt trong quan hệ hai nước trong giai đoạn tiếp theo, như hai bên ký Hiệp định thương mại song phương (2000), Mỹ trao quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn cho Việt Nam để mở đường cho Việt Nam gia nhập WTO (2005), hai bên xác lập quan hệ Đối tác toàn diện (2013), viện trợ giải quyết hậu quả chiến tranh của Mỹ có chiều hướng tăng lên và được mở rộng.

Từ năm 1995 đến năm 2000, USAID mỗi năm tài trợ cho Việt Nam trên dưới 10 triệu USD cho các chương trình nhân đạo và hỗ trợ người khuyết tật. Sau năm 2000, USAID từng bước tăng viện trợ cho Việt Nam, đặc biệt sau năm 2004, khi Chính quyền Bush đưa Việt Nam - nước châu Á duy nhất - vào danh sách nhận viện trợ phòng chống

Nghiên cứu Quốc tế số 3 (110)

HIV/AIDs của Mỹ trong Chương trình PEPFAR. Theo chương trình này, mỗi năm Việt Nam nhận được hỗ trợ bằng thuốc, trang thiết bị trị giá khoảng 35 - 40 triệu USD, kéo dài đến 2017. Về vấn đề bom mìn, Mỹ hỗ trợ Việt Nam từ 1995 đến 2015 khoảng 80 triệu USD thông qua các tổ chức phi chính phủ thực hiện các dự án rà phá bom mìn tại Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào tỉnh Quảng Trị. Về vấn đề da cam/dioxin, từ 2008, phía Mỹ bắt đầu chi 3 triệu USD/năm cho các dự án đánh giá tẩy độc sân bay Đà Nẵng và hỗ trợ nạn nhân là người khuyết tật. Từ 2012, Mỹ tiến hành tẩy độc sân bay Đà Nẵng và dự kiến sẽ hoàn thành dự án này vào năm 2018 với tổng số ngân sách khoảng 90 triệu USD, được phân bổ chủ yếu cho các tổ chức phi chính phủ Mỹ thực hiện. Về viện trợ phát triển, trong những năm gần đây, Mỹ dành khoảng 15 triệu USD cho các dự án như nâng cao năng lực cạnh tranh, sửa đổi một số bộ luật hay quy định cho phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao năng lực cải cách hành chính, y tế cộng đồng, giáo dục...

Tuy nhiên, mức viện trợ nói trên của Mỹ vẫn còn nhỏ bé so với hậu quả Mỹ đã gây ra trong chiến tranh Việt Nam. Về vấn đề bom mìn, với tốc độ rà phá như hiện nay, sẽ cần đến 300 năm nữa mới có thể cơ bản hoàn thành việc rà phá bom mìn tại Việt Nam. Về vấn đề da cam/dioxin, hàng triệu nạn nhân da cam đang cần sự trợ giúp hàng ngày để vượt qua bệnh tật, hòa nhập cộng đồng. Các điểm nóng da cam như Biên Hòa, Phù Cát tiếp tục đe dọa sự an toàn của hàng ngàn cư dân sống xung quanh. Việt Nam cũng cần Mỹ phối hợp thực chất và nhiều hơn trong việc tìm kiếm hơn 200 nghìn liệt sỹ còn mất tích trong chiến tranh. Về viện trợ phát triển, nhu cầu vốn phát triển của Việt Nam rất lớn, riêng giai đoạn 2016-2020 cần trên 39 tỷ USD, đặc biệt trong các lĩnh vực như phát triển hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, năng lượng tái tạo...

Những tiến triển của quan hệ Việt Nam - Mỹ thời gian qua cùng với những diễn biến nhanh và khó lường tại khu vực đòi hỏi hai bên có cách

tiếp cận linh hoạt và thực tế hơn trong việc xử lý các vấn đề do chiến tranh để lại nhằm thúc đẩy hơn nữa quan hệ Việt Nam - Mỹ.

Đối với Mỹ, đẩy mạnh các hình thức trợ giúp Việt Nam không chỉ là việc thực hiện nghĩa vụ đối với những hành động gây ra đối với môi trường và người dân Việt Nam, mà còn là việc thực hiện những cam kết của các Tổng thống Mỹ đối với Việt Nam được nêu trong Hiệp định hòa bình Paris năm 1973 và những tuyên bố chung giữa hai nước thời gian qua. Đây còn được coi là những biện pháp góp phần xây dựng lòng tin và thúc đẩy hơn nữa quan hệ Đối tác toàn diện. Mỹ cũng cần đa dạng hóa hình thức trợ giúp Việt Nam, tăng viện trợ phát triển trong các lĩnh vực Việt Nam cần sự trợ giúp hiện nay như cơ sở hạ tầng, năng lượng tái tạo, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính như Tập đoàn đầu tư tư nhân nước ngoài (OPIC), Ngân hàng xuất nhập khẩu (Eximbank) trợ giúp Việt Nam...

Về phía Việt Nam, tiếp tục tích cực trợ giúp Mỹ tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh, phối hợp tốt với phía Mỹ trong việc triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án khắc phục hậu quả chiến tranh, chủ động đề xuất các dự án phát triển có tính khả thi cao trong quan hệ với Mỹ là những lĩnh vực Việt Nam cần thúc đẩy để giúp hai bên giải quyết hậu quả chiến tranh nói riêng và phát triển quan hệ song phương nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ 2017
2. Pietro Sullo, Julian Wyatt , War Reparations, truy cập tại [http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_\(1\).pdf](http://www.lalive.ch/data/publications/EPIL_War_Reparations_(1).pdf)
3. Treaty of Versailles, truy cập tại <http://www.history.com/topics/world-war-i/treaty-of-versailles>
4. Charter of the United Nation, <http://www.un.org/en/sections/un-charter/chapter-i/index.html>
5. Alexandra Gibbs, Who still owes what for the two World Wars? <http://www.cnbc.com/2015/03/18/who-still-owes-what-for-the-two-world-wars.html>
6. Eamonn Fingleton, The untold story of Japan's war compensation record, <http://www.fingleton.net/the-untold-story-of-japans-war-compensation-record/>
7. Overview of Official Development Assistance (ODA) to China, http://www.mofa.go.jp/policy/oda/region/e_asia/china/
8. Hiệp định hòa bình Paris, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Hiep-dinh-Cham-dut-chien-tranh-lap-lai-hoa-binh-cua-Viet-Nam-Hoa-ky-23327.aspx>

Trúc Quỳnh, Tại sao Mỹ không bồi thường chiến tranh Việt Nam, truy cập tại <http://www.tienphong.vn/the-gioi/tai-sao-my-khong-boi-thuong-chien-tranh-viet-nam-883031.tpo>